

## HIỆP ĐỊNH

### VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ TRIỀU TIÊN (1993).

Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ cộng hoà Triều Tiên (sau đây được gọi là "các Bên ký kết");

Với mong muốn tăng cường sự hợp tác kinh tế cùng có lợi của hai nước;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư của các nhà đầu tư của nước này trên lãnh thổ của nước kia; và

Nhận thấy việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư trên cơ sở Hiệp định này sẽ khuyến khích sáng kiến kinh doanh ở cả hai nước ;

Đã thoả thuận như sau;

#### **Điều 1: Định nghĩa**

Trong hiệp định này :

1. Thuật ngữ "*đầu tư*" có nghĩa là mọi loại tài sản được nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, đặc biệt, nhưng không loại trừ, bao gồm:

a. Sở hữu về động sản, bất động sản và bất kỳ quyền sở hữu nào khác có liên quan như cầm cố , thế chấp hoặc thế nợ ;

b. Phiếu ghi nợ và các hình thức tham gia khác vào công ty hoặc bất kỳ xí nghiệp kinh doanh nào;

c. Quyền khiếu nại về tiền hoặc bất kỳ hoạt động nào có giá trị kinh tế liên quan đến đầu tư;

d. Các quyền sở hữu trí tuệ , bao gồm quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại, bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, quy trình kỹ thuật, know-how, bí mật thương mại và đặc quyền kế nghiệp; và

e. Bất kỳ quyền nào theo luật định hoặc theo hợp đồng liên quan tới đầu tư hoặc bất kỳ sự cho phép và cấp giấy phép nào phù hợp pháp luật ,bao gồm quyền tìm kiếm, chiết suất,nuôi trồng hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Bất kỳ sự thay đổi nào về hình thức đối với các tài sản đã được đầu tư sẽ không làm ảnh hưởng đến đặc tính của chúng như là đầu tư

2. Thuật ngữ "*nhà đầu tư*" có nghĩa là bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân nào đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

a. Thuật ngữ "*thể nhân* " có nghĩa là đối với mỗi Bên ký kết ,thể nhân có quốc tịch hoặc quyền công dân của Bên đó phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó.

b. Thuật ngữ "*pháp nhân* " có nghĩa là đối với mỗi Bên ký kết, bất kỳ một thể thức nào được thành lập hoặc tổ chức và được công nhận là một pháp nhân theo luật của Bên ký kết đó, như các tổ chức công cộng , đoàn thể tổ chức công ty , hội ,hãng, cơ sở , liên hiệp ,bất kể trách nhiệm của nó là hữu hạn hay vô hạn và được tổ chức hoặc không tổ chức để thu lợi nhuận.

3. Thuật ngữ "*thu nhập* " có nghĩa là những khoản thu nhập từ đầu tư , đặc biệt , nhưng không loại trừ ,bao gồm lợi nhuận , lãi tiền lời, cổ phần , lãi cổ phần ,tiền bản quyền ,phí trợ giúp kỹ thuật hoặc các phí khác .

4. Thuật ngữ "*lãnh thổ*" có nghĩa là lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam hoặc lãnh thổ của cộng hoà triều tiên nơi mà Bên ký kết đó thực hiện chủ quyền ,quyền chủ quyền hoặc quyền phán quyết phù hợp luật pháp quốc tế .

5. Thuật ngữ "*đồng tiền tự do chuyển đổi*" có nghĩa là được sử dụng rộng rãi để thanh toán trong giao dịch quốc tế và được chuyển đổi rộng rãi trên thị trường quốc tế .

## **Điều 2: Khuyến khích và bảo hộ đầu tư**

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư của bên kia thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của mình , và cho phép đầu tư phù hợp với luật pháp và qui định của mình.

2. Việc đầu tư của các nhà đầu tư mỗi bên ký kết sẽ luôn được hưởng sự đối xử công bằng thoả đáng và được bảo hộ đầy đủ và an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

## **Điều 3 : Đối xử đầu tư**

(1) Mỗi Bên ký kết, trên lãnh thổ của mình sẽ giành cho đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư Bên ký kết kia một sự đối xử công bằng và thoả đáng và không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử đối với đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư bất kỳ nước thứ ba nào.

(2) Mỗi Bên ký kết, trên lãnh thổ của mình sẽ giành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, một sự đối xử có liên quan như sự quản lý ,bảo quản ,sử dụng ,thực hoặc chuyển nhượng đầu tư của họ một cách công bằng và thoả đáng và không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử dành cho các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

(3) Mỗi Bên ký kết trên cơ sở phù hợp với pháp luật và qui định của mình sẽ đối xử với đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia như đối xử với đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư của mình

(4) Những quy định của khoản (1) ,(2) và (3) của Điều này sẽ không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết phải giành cho nhà đầu tư của bên kia sự ưu đãi trong bất kỳ sự đối xử ,ưu tiên hoặc đặc quyền mà đã được thực hiện bởi một Bên ký kết vì:

(a) Bên ký kết đó đang hoặc sẽ tham gia một liên minh thuế quan đã có hay sẽ có hoặc khu vực mậu dịch tự do , khu vực thuế quan chung , liên minh tiền tệ hoặc một Hiệp định quốc tế tương tự hoặc nhưng hình thức hợp tác khu vực khác ; hoặc

(b) Bất kỳ một Hiệp định đã có hoặc sẽ có hoặc một Hiệp định quốc tế khác có liên quan tới toàn bộ hoặc một phần về thuế quan .

## **Điều 4: Bồi thường thiệt hại, tổn thất**

(1) Các nhà đầu tư của một Bên ký kết có đầu tư hoặc thu nhập trên lãnh thổ của bên ký kết kia bị thiệt hại do chiến tranh , xung đột vũ trang , tình trạng khẩn cấp quốc gia ,nổi dậy , khởi nghĩa , nổi loạn hoặc những sự kiện tương tự sẽ được Bên ký kết kia đối xử bằng việc bồi hoàn, bồi thường hoặc bằng các giải pháp khác không kém thuận lợi hơn so với các nhà đầu tư của mình hoặc các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào . Bất kỳ sự thanh toán nào theo Điều này phải được tiến hành nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả, và được tự do không chậm chễ .

## **Điều 5:Tước đoạt quyền sở hữu**

1. Việc đầu tư của các nhà đầu tư của một trong các Bên ký kết không bị quốc hữu hoá ,trung thu hoặc các hình thức có hậu quả tương tự như quốc hữu hoá hoặc trung thu (sau đây gọi là "tước

quyền sở hữu ") trên lãnh thổ của Bên ký kết kia , ngoại trừ vì mục đích công cộng ,theo thủ tục của luật , trên cơ sở không phân biệt đối xử và phải được bồi thường nhanh chóng , thoả đáng và hiệu quả . Sự bồi thường đó sẽ được tính theo giá thị trường của đầu tư ngay trước khi việc tước quyền sở hữu được thực hiện hoặc được công bố, bao gồm cả lãi tính từ ngày tước quyền sở hữu với tỷ giá thương mại thích hợp và không chậm trễ , được thực hiện một cách có hiệu quả và được tự do chuyển đi .

2. Nhà đầu tư của một ký kết khiếu nại về toàn bộ hoặc một phần đầu tư của họ bị tước quyền sở hữu được toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của bên ký kết kia xem xét nhanh chóng sự việc của họ và giá trị đầu tư của họ phù hợp với những nguyên tắc được qui định tại khoản (1) của Điều này.

3. Khi một Bên ký kết tước quyền sở hữu đối với những tài sản của một công ty được tổ chức hoặc thành lập theo pháp luật và qui định của bên ký kết đó mà ở đó những nhà đầu tư của bên ký kết kia có cổ phần hoặc có những hình thức tham gia khác thì những quy định của khoản (1) và (2) của Điều này sẽ được áp dụng .

### **Điều 6: Chuyển về nước**

1. Các bên ký kết sẽ bảo đảm việc chuyển các khoản liên quan đến đầu tư và thu nhập. Việc chuyển đó bao gồm, đặc biệt nhưng không loại trừ ;

a. Lợi nhuận ròng, lãi cổ phần, tiền bản quyền, phí dịch vụ trợ giúp kỹ thuật, lãi và các khoản thu nhập hiện có khác phát sinh từ bất kỳ đầu tư nào của nhà đầu tư của Bên ký kết kia;

b. Những khoản thu do việc bán hoặc thanh lý toàn bộ hay một phần bất kỳ đầu tư nào của nhà đầu tư của Bên ký kết kia

c. Các khoản thanh toán trả tiền vay liên quan đến đầu tư

d. Các khoản thu nhập của các công dân một bên ký kết được phép làm việc trong mối liên quan đến đầu tư trên lãnh thổ của bên ký kết kia

e. Các khoản sử dụng cho điều hành việc đầu tư trên lãnh thổ của bên ký kết kia

f. Các khoản thu thêm cần thiết cho việc duy hoặc phát triển đầu tư hiến có ; và

g. Khoản bồi thường theo điều (4) và (5)

2. Việc chuyển sẽ được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, không chậm trễ theo tỷ giá hối đoái, có hiệu quả cho việc giao dịch hiện hành hoặc theo tỷ giá hối đoái chính thức tại ngày chuyển .

### **Điều 7: Thế quyền**

Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được uỷ quyền thanh toán thay cho các nhà đầu tư của mình mọi khoản liên quan đến đầu tư thì Bên ký kết kia công nhận ;

a. Sự chuyển bất kỳ quyền hoặc quyền khiếu nại nào của nhà đầu tư cho bên ký kết của họ hoặc cơ quan được uỷ quyền theo luật hoặc phù hợp với thực tiễn pháp lý tại nước đó cũng như;

b. Bên ký kết hoặc cơ quan được uỷ quyền của nhà đầu tư được quyền khiếu nại cho nhà đầu tư đó và đảm nhận các nghĩa vụ liên quan đến đầu tư

### **Điều 8: Giải quyết tranh chấp về đầu tư giữa một bên ký kết và nhà đầu tư của bên ký kết kia**

1. Bất kỳ tranh chấp nào giữa một bên ký kết và nhà đầu tư của bên ký kết kia liên quan đến đầu tư theo hiệp định này, trong chừng mực có thể, sẽ được giải quyết bằng hoà giải thông qua thương lượng giữa các bên tranh chấp
2. Những biện pháp địa phương theo pháp luật và quy định của một bên ký kết trên lãnh thổ của bên đó mà nhà đầu tư của bên ký kết kia đang thực hiện đầu tư trên cơ sở đối xử không kém thuận lợi hơn so với đầu tư của các nhà đầu tư nước mình hoặc các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ 3 nào; bất cứ trường hợp nào cũng đảm bảo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư
3. Nếu tranh chấp không giải quyết được trong vòng 6 tháng kể từ ngày một trong các Bên đưa vụ tranh chấp ra, thì theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc của một bên ký kết, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư (ICSID) Được thành lập theo công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa các quốc gia và công dân của các quốc gia khác ký tại Washington ngày 18/3/1965, trong trường hợp cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ trở thành thành viên của công ước này. Trước thời điểm đó tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết theo thủ tục hoà giải hoặc thủ tục trọng tài với sự thoả thuận của các bên trên cơ sở công ước Washington.
4. Phán quyết của ICSID là cuối cùng và bắt buộc đối với các bên tranh chấp; mỗi bên ký kết sẽ bảo đảm việc công nhận và thi hành phán quyết phù hợp với pháp luật và quy định có liên quan của mình.

#### **Điều 9: Giải quyết tranh chấp giữa các bên ký kết**

1. Tranh chấp giữa các bên ký kết liên quan đến việc hiểu và áp dụng Hiệp này, trong chừng mực có thể sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc qua con đường ngoại giao.
2. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng 6 tháng, thì theo yêu cầu của một trong các bên ký kết vụ tranh chấp sẽ được đưa ra toà án trọng tài phù hợp với các quy định của Điều này
3. Toà án trọng tài được thành lập cho từng trường hợp riêng biệt theo cách sau. Trong vòng 2 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu về trọng tài, mỗi bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên cho Toà án. Hai thành viên này sẽ chọn một công dân của nước thứ 3, được 2 bên ký kết thoả thuận chỉ định làm chủ tịch toà án (sau đây được gọi là chủ tịch). Chủ tịch được chỉ định trong vòng 3 tháng kể từ ngày chỉ định 2 thành viên trên.
4. Nếu trong thời gian được quy định tại khoản 3 của Điều này, sự chỉ định cần thiết không thực hiện được, có thể yêu cầu chủ tịch của toà án quốc tế thực hiện việc chỉ định. Nếu chủ tịch là công dân của một trong các Bên ký kết, hoặc nếu chủ tịch bị ngăn cản thực hiện chức năng nói trên, thì phó chủ tịch sẽ được mời để thực hiện việc chỉ định. Nếu phó chủ tịch cũng là công dân của một bên ký kết hoặc bị ngăn cản thực hiện chức năng nói trên thì một thành viên của toà án quốc tế là người không phải là công dân của một trong các bên ký kết sẽ được mời thực hiện sự chỉ định.
5. Toà án trọng tài sẽ quyết định bằng cách bỏ phiếu theo đa số. Quyết định này là bắt buộc. Mỗi bên ký kết sẽ chịu chi phí cho trọng tài viên của mình và đại diện của mình trong quá trình tố tụng; chi phí cho chủ tịch và cá chi phí còn lại sẽ do 2 bên ký kết cũng chịu bằng nhau. Toà án trọng tài sẽ quy định thủ tục riêng của mình.

#### **Điều 10: Áp dụng các quy định khác và các cam kết đặc biệt**

1. Khi có vấn đề cùng một lúc bị chi phối bởi cả hiệp định này và hiệp định quốc tế khác mà 2 Bên ký kết đều tham gia hoặc bởi những nguyên tắc chung của luật quốc tế, thì hiệp định này sẽ

không cản trở các Bên ký kết hoặc bất kỳ nhà đầu tư nào của họ có những đầu tư trên lãnh thổ của bên ký kết kia được hưởng ưu đãi từ bất kỳ các nguyên tắc nào thuận lợi hơn so với hiệp này

2. Nếu sự đối xử mà một bên ký kết giành cho các nhà đầu tư của bên ký kết kia phù hợp với pháp luật và quy định của mình hoặc các điều khoản đặc biệt khác của các hợp đồng có thuận lợi hơn so với hiệp này, thì sự đối xử thuận lợi hơn sẽ được áp dụng.

3. Mỗi bên ký kết sẽ tôn trọng bất kỳ nghĩa vụ nào khác liên quan tới đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình.

### **Điều 11: Áp dụng hiệp định**

Hiệp định này áp dụng đối với tất cả các đầu tư được hiện trước sau khi hiệp định có hiệu lực, nhưng không áp dụng đối với bất kỳ tranh chấp

Hoặc khiếu nại có liên quan đến đầu tư đã được giải quyết trước khi Hiệp định có hiệu lực.

### **Điều 12: Hiệu lực, thời hạn và kết thúc**

1. Hiệp định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ khi Chính phủ mỗi Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia về các yêu cầu pháp lý đã được hoàn tất đảm bảo cho Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định có hiệu lực trong thời hạn 10 năm và tiếp tục có hiệu lực, trừ khi một năm trước khi kết thúc thời hạn đầu tiên hoặc các thời hạn tiếp theo, một trong các Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về ý định kết thúc hiệp định này.

3. Đối với đầu tư thực trước khi kết thúc Hiệp định này, các qui định của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn 20 năm kể từ ngày kết thúc.

Những người có tên dưới đây được Chính phủ các bên uỷ quyền ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản tại Seoul ngày 13 tháng 5 năm 1993 bằng tiếng Việt Nam, tiếng Triều Tiên và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau, thì bản tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ.

**THAY MẶT**  
**CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ**  
**NGHĨA**  
**VIỆT NAM**

**THAY MẶT**  
**CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ TRIỀU**  
**TIÊN**

**BỘ NGOẠI GIAO**

-----  
Số: 65/LPQT

#### ***Nơi gửi:***

- VPCP
- UBNN về hợp tác và đầu tư
- Bộ Tài chính
- Bộ thương mại
- Ngân hàng nhà nước
- Ngân hàng ngoại thương
- ĐSQ VN tại Seoul
- Vụ ĐBA

-LPQT  
-Lưu trữ (11) bản